

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÁT XÁT  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HS-ST  
Ngày 30 - 9 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT - TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phạm Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Trúc

2. Ông Sần Thó Suy

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2021/TLST- HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

- Họ và tên: **Lê Tiến N** - Sinh ngày 18/10/1995 tại thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn V - Sinh năm 1956 (Đã chết) và bà Hoàng Thị H - Sinh năm 1956 (Đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

- Họ và tên: **Lê Thị Thu T** - Sinh ngày 30/6/1987 tại thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn V - Sinh năm 1956 (Đã chết) và bà Hoàng Thị H - Sinh năm 1956 (Đã chết); Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ-XPHC ngày 05/4/2021 của Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử

phạt Lê Thị Thu T 4.000.000 đồng về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định”.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 05/4/2021 bị cáo Lê Thị Thu T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định. Tính đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

- *Người làm chứng*

+ Chị Lò Thị C - Sinh năm 2002

Nơi cư trú: Bản C, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên “Vắng mặt”.

+ Chị Lò Thị K- Sinh năm 1998

Nơi cư trú: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên “Vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 30/4/2021 Lê Tiến N, Lê Thị Thu T đang ở phòng trọ tại Tổ 02, phường Nam Cường, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái thì N nhận được cuộc gọi của một người phụ nữ không quen biết tên Hoa. Hoa giới thiệu là người Việt Nam đang sinh sống ở Trung Quốc. Hoa hỏi N “Có phải là người đưa biên không”, N nói “Phải” và bảo Hoa kết bạn qua ứng dụng Zalo với chị gái mình là Lê Thị Thu T. Hoa nhắn tin cho T nói có 03 người phụ nữ ở tỉnh Điện Biên muốn đi qua tỉnh Lào Cai để sang Trung Quốc, có đưa đi được không, T báo cho N biết, N bảo T nhắn trả lời “Đưa được”. Hoa nhắn tiếp hỏi lấy bao nhiêu tiền công 01 người, N bảo lấy 3.000.000 đồng một người, Hoa nhất trí và nói 03 người phụ nữ ở Điện Biên không có tiền, N cứ đón, đưa họ qua biên giới, khi nào đưa được người sang Trung Quốc, Hoa sẽ chuyển trả tiền vào tài khoản của N, N đồng ý và nhắn tài khoản của mình số 109872678094 mở tại ngân hàng VietinBank cho Hoa. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 07/5/2021, Hoa nhắn tin cho T nói chỉ có 02 người đi, T nói lại với N và thống nhất tiền công là 6.000.000 đồng (3.000.000 đồng/người). Hoa gửi số điện thoại của Lò Thị C cho T, sau đó N kết bạn Zalo với Công để tiện liên hệ. Tối ngày 07/5/2021 Công nhắn tin cho N nói Công và Kiên đang đi xe ca từ Điện Biên sang Lào Cai, hỏi N đón ở đâu và bao giờ đưa đi, N nói cứ đến Lào Cai thì gọi cho N. Khoảng 04 giờ 45 phút ngày 08/5/2021, Công gọi điện cho T nói Công và Kiên đã đi đến Lào Cai, T báo Công tìm nhà trọ nghỉ chờ T và N đến đón. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 08/5/2021, N sử dụng xe mô tô BKS 30K4 - 5306 chở T từ Yên Bái lên thành phố Lào Cai. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 08/5/2021 N, T đón Công và Kiên ở cửa ga Lào Cai, N chở T và Kiên đi một xe do N điều khiển, còn Công đi xe ôm do N thuê. Khi đến ngã ba thôn Tùng Sáng, xã A Mú Sung, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, N bảo người xe ôm dừng lại, Công trả tiền xe ôm 350.000 đồng, người xe ôm quay về. N bảo Kiên vào ngôi nhà bỏ hoang ở cạnh

đường ngòi đoi để N quay lại đón sau, rồi chờ T và Công đi đến đoạn đường rẽ xuống suối biên giới Lũng Pô thì dừng xe và đi bộ ra suối để vượt biên giới sang Trung Quốc thì bị tổ công tác Đồn biên phòng A Mú Sung phát hiện, bắt giữ. Tổ công tác Đồn Biên phòng A Mú Sung đã tạm giữ những tài sản, đồ vật sau:

Tạm giữ của bị cáo Lê Tiến N: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda BKS 30K4 - 5306, số máy 0038626, số khung 033178 và 01 đăng ký xe mô tô số 018468 cấp ngày 22/9/2009 mang tên Phạm Ngọc Hùng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, số IMEI: 351726118709265, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel; 01 thẻ ATM số 9704150103501980 của ngân hàng VietinBank mang tên Lê Tiến N; 01 giấy chứng minh nhân dân số 060973039 cấp ngày 24/10/2016 mang tên Lê Tiến N.

Tạm giữ của bị cáo Lê Thị Thu T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, số IMEI: 868247053446223 bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel và 01 thẻ sim Trung Quốc.

Tạm giữ của Lò Thị C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel; số tiền 1.800.000 đồng.

Tạm giữ của Lò Thị K: 01 điện thoại di động OPPO, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel.

Cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 30/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Lê Tiến N và Lê Thị Thu T về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai ủy quyền cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Tiến N và Lê Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Tiến N và Lê Thị Thu T về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 348; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lê Tiến N phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, xử phạt bị cáo với mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu T phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, xử phạt bị cáo với mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, số IMEI: 351726118709265, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel, màn hình bị rạn nứt, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng máy của Lê Tiến N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi,

số IMEI: 868247053446223, trong máy lắp 01 thẻ sim Viettel và 01 thẻ sim Trung Quốc, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng máy của Lê Thị Thu T.

Trả lại cho bị cáo Lê Tiến N 01 Thẻ ATM số 9704150103501980 của ngân hàng VietinBank; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 060973039 do Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 24/10/2016 mang tên Lê Tiến N.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Đoàn Biên phòng A Mú Sung, Công an xã A Mú Sung, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và tang vật thu giữ. Bị cáo Lê Tiến N và Lê Thị Thu T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết xã hội và pháp luật, nhận thức được việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên ngày 08/5/2021 Lê Tiến N và Lê Thị Thu T đã có hành vi tổ chức đưa 02 người là Lò Thị C và Lò Thị K xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nhằm được hưởng lợi số tiền 6.000.000 đồng (3.000.000 đồng/01 người). Các bị cáo đều cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì bị phát hiện, các bị cáo chưa kịp đưa Lò Thị C và Lò Thị K qua biên giới thì bị bắt giữ, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép nhưng phạm tội chưa đạt. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Tiến N và Lê Thị Thu T phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố các bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần áp dụng Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Lê Tiến N có nhân thân tốt, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Lê Thị Thu T có nhân thân xấu, bị cáo có 01 tiền sự: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ-XPHC ngày 05/4/2021 của Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt Lê Thị Thu T 4.000.000 đồng về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định”.

Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh; xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, là mầm mống lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm nhất là trong thời điểm hiện nay Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống đại dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19. Vì vậy cần phải xét xử một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó bị cáo Lê Tiến N là người trực tiếp kết nối với đối tượng tên Hoa đồng thời giới thiệu cho Lê Thị Thu T để cả hai cùng liên hệ với đối tượng tên Hoa và những người có nhu cầu xuất cảnh trái phép nên Lê Tiến N phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Lê Thị Thu T là đồng phạm tham gia tích cực, Lê Thị Thu T cùng Lê Tiến N liên hệ, trao đổi, bàn bạc và đưa đón Lò Thị C và Lò Thị K vì vậy bị cáo Lê Thị Thu T phải chịu trách nhiệm sau bị cáo Lê Tiến N.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, vì vậy cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, các bị cáo không có tài sản và thu nhập gì. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, số IMEI: 351726118709265, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel, màn hình bị rạn nứt, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng máy tạm giữ của Lê Tiến N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, số IMEI: 868247053446223, trong máy lắp 01 thẻ sim Viettel và 01 thẻ sim Trung Quốc, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng máy tạm giữ của Lê Thị Thu T. Xét thấy các bị cáo đã dùng hai chiếc điện thoại này để liên lạc trao đổi về việc xuất cảnh trái phép cho Lò Thị C và Lò Thị K, do đó hai chiếc điện thoại là vật chứng của vụ án, cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 thẻ ATM số 9704150103501980 của ngân hàng VietinBank; 01 giấy chứng minh nhân dân số 060973039 do Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 24/10/2016 tạm giữ của Lê Tiến N. Xét thấy đây là những giấy tờ không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Lê Tiến N.

Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda BKS 30K4 - 5306, số máy 0038626, số khung 033178 và 01 đăng ký xe mô tô số 018468 cấp ngày 22/9/2009 tạm giữ của Lê Tiến N. Quá trình điều tra xác định là tài sản của Lê Viết Trường (sinh ngày 19/9/1994, nơi cư trú: Khu dân cư Cường Bắc, phường Nam Cường, thành phố Yên

Bái, tỉnh Yên Bái), Trường cho N mượn để làm phương tiện đi lại, việc N sử dụng để phạm tội Trường không biết. Vì vậy, ngày 13/8/2021, Cơ quan An ninh điều tra đã trả lại cho Lê Viết Trường là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel và tiền Việt Nam 1.800.000 đồng tạm giữ của Lò Thị C, quá trình điều tra xác định là tài sản của Công. Ngày 04/6/2021 Đoàn biên phòng A Mú Sung đã trả lại cho Lò Thị C là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động OPPO, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel tạm giữ của Lò Thị K, quá trình điều tra xác định là tài sản của Kiên. Ngày 05/6/2021 Đoàn biên phòng A Mú Sung đã trả lại cho Lò Thị K là phù hợp.

[7] Về các vấn đề khác liên quan trong vụ án:

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Tiến N còn khai nhận ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo đã một mình thực hiện hành vi tổ chức cho 06 người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc vào các ngày 14/02/2021, 15/02/2021, 15/3/2021. Tuy nhiên do Lê Tiến N không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của các đối tượng này nên Cơ quan điều tra không làm rõ được, không đủ căn cứ để xử lý là phù hợp.

Đối với người phụ nữ tên Hoa đã thỏa thuận, trao đổi để Lê Tiến N và Lê Thị Thu T đưa Lò Thị C, Lò Thị K xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Hiện tại Hoa đang sinh sống tại Trung Quốc, Cơ quan điều tra không làm rõ được để xử lý là phù hợp.

Đối với Lò Thị C, Lò Thị K là người đã có hành vi xuất cảnh trái phép ngày 08/5/2021 tại xã A Mú Sung, huyện Bát Xát. Qua điều tra xác định Lò Thị C, Lò Thị K chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, Đoàn biên phòng A Mú Sung đã xử phạt Lò Thị C và Lò Thị K mỗi người 3.000.000 đồng về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định xét thấy là phù hợp.

Đối với Quảng Văn Thoát - Sinh năm 1998, trú tại Bản Pá Chóng, xã Mường Bám, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La là bạn trai của Lò Thị C. Quá trình điều tra xác định, ngày 07/5/2021, Công nhờ tài khoản ngân hàng của Thoát để Hoa chuyển tiền vào rồi rút tiền ra để sử dụng vào việc cá nhân, Quảng Văn Thoát không quen biết với Hoa, không biết Công sử dụng tiền vào việc gì. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Quảng Văn Thoát là phù hợp.

[8] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Mức án áp dụng đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với tình chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[9] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Tiến N phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Xử phạt bị cáo Lê Tiến N 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu T phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2021.

### **2. Về xử lý vật chứng:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, số IMEI: 351726118709265, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel, màn hình bị rạn nứt, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng máy của Lê Tiến N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, số IMEI: 868247053446223, trong máy lắp 01 thẻ sim Viettel và 01 thẻ sim Trung Quốc, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết chất lượng máy của Lê Thị Thu T.

Trả lại cho bị cáo Lê Tiến N 01 Thẻ ATM số 9704150103501980 của ngân hàng VietinBank; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 060973039 do Công an tỉnh Yên Bái cấp ngày 24/10/2016.

(Vật chứng thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa Công an tỉnh Lào Cai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Tiến N và Lê Thị Thu T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh; VKSND tỉnh;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh;
- Sở tư pháp; Trại tạm giam;
- VKSND huyện; Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Cơ quan THAHS CA huyện;
- Các bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đã ký****Phạm Thu Trang**